TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 14-7-2022
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tới;

2. Ông Trần Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2021/TLST-DS ngày 04/11/2021 về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70A/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55A/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN; Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú: Số 14/19, ấp TL, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Số 14/19, ấp TL, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Phạm Thị Anh Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà Mai Thị Kim H trình bày:

Ngày 10/12/2020 anh T có vay của chị Đ số tiền 350.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn 01 tháng sẽ trả gốc và lãi. Anh T vay tiền để làm kinh tế gia đình. Khi vay tiền anh T có đưa cho chị Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh để làm tin nhưng sau đó chị Đ đã đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T để anh T đi vay tiền của Ngân hàng. Tuy nhiên chị Đ không biết anh T đã vay tiền của Ngân hàng được hay chưa nhưng chị yêu cầu anh T nhiều lần trả tiền cho chị thì anh T không trả khoản tiền nào. Do đó, nay chị Đ khởi kiện yêu cầu Anh Huỳnh Minh T và cha anh T là Ông Huỳnh Văn P cùng có trách nhiệm trả cho chị Đ số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 10/01/2021 đến khi Tòa án xét xử xong.

Tại Bản tự khai bổ sung ngày 08/6/2022, chị Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh T và ông P, cụ thể: Chị Đ không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Huỳnh Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Văn P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ đối với Anh Huỳnh Minh T và Ông Huỳnh Văn P về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc Anh Huỳnh Minh T có nghĩa vụ trả cho Chị Phạm Thị Anh Đ số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ về việc yêu cầu Ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ liên đới cùng với Anh Huỳnh Minh T trả số tiền tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ đối với Anh Huỳnh Minh T và Ông Huỳnh Văn P về việc yêu cầu tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm, Anh Huỳnh Minh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Anh Đ có yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" với Anh Huỳnh Minh T có địa chỉ tại ấp TL, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn Anh Huỳnh Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2021, chị Đ yêu cầu anh T, ông P cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi. Ngày 08/6/2022, chị Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị Đ không yêu cầu anh T và ông P trả lãi. Chị Đ cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy mượn tiền ngày 10/12/2020 có ký tên, ghi họ tên Huỳnh Minh T tại mục người mượn tiền và cung cấp bản in nội dung tin nhắn zalo chị Đ cho rằng là nội dung trao đổi giữa chị Đ và anh T liên quan đến việc anh T không trả nợ cho chị Đ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, anh T và ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có). Do đó, anh T, ông P phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 10/12/2020, Anh Huỳnh Minh T có vay của Chị Phạm Thị Anh Đ số tiền 350.000.000 đồng; có "giấy mượn tiền" có chữ viết và ký tên của anh T, trong giấy mượn tiền không thể hiện thời hạn trả nợ và không thể hiện lãi suất. Do đó, cần xác định đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi suất theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015. Do anh T không trả tiền cho chị Đ nên đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ, chị Đ khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm trả tiền gốc 350.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với việc chị Đ yêu cầu ông P là cha của anh T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 350.000.000 đồng cùng với anh T: Xét thấy, anh T là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được toàn quyền tham gia vào quan hệ dân sự với tư cách là chủ thể độc lập và tự chịu trách nhiệm đối với giao dịch dân sự do anh T xác lập và thực hiện. Trong giấy mượn tiền ngày 10/12/2020 không thể hiện mục đích mượn tiền để làm gì cũng như không có ông P ký tên xác nhận có mượn tiền của chị Đ. Đồng thời, chị Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc ông P có mượn tiền của chị, cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được mục đích chị Đ cho anh T vay 350.000.000 đồng là khoản tiền vay và sử dụng chung của anh T và ông P nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Tại Bản tự khai bổ sung ngày 08/6/2022, chị Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh T và ông P, cụ thể: Chị Đ không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của chị Đ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền 350.000.000 đồng nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ đối với Anh Huỳnh Minh T và Ông Huỳnh Văn P về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc Anh Huỳnh Minh T có nghĩa vụ trả cho Chị Phạm Thị Anh Đ số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ về việc yêu cầu Ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ liên đới cùng với Anh Huỳnh Minh T trả số tiền tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ đối với Anh Huỳnh Minh T và Ông Huỳnh Văn P về việc yêu cầu tính lãi

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Huỳnh Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng *(Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Chị Phạm Thị Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo Biên lai thu số 0000592 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung